

Bài 1:

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Trong số thập phân 109,354, chữ số 5 thuộc hàng nào?

- A. Hàng chục
- B. Hàng phần mười
- C. Hàng phần trăm
- D. Hàng phần nghìn

Bài 2: Số thập phân thích hợp để điền vào chỗ chấm $5\text{dm} = \dots\text{m}$ là:

- A. 05 B. 005 C. 0,05 D. 0,5

Bài 3: Số thập phân “ba phẩy bốn mươi sáu” được viết là:

- A. 3,46 B. 346 C. 34,6 D. 346,0

Bài 4:

Đọc số thập phân; nêu phần nguyên, phần thập phân và giá trị theo vị trí của mỗi chữ số ở từng hàng:

- a) 3,85;
- b) 86,254;
- c) 120,08;
- d) 0,005.

Bài 5:

Viết số thập phân có:

- a) Bảy đơn vị, năm phần mười.
- b) Sáu mươi tư đơn vị, năm mươi ba phần trăm.
- c) Ba trăm linh một đơn vị, bốn phần trăm.
- d) Không đơn vị, hai phần nghìn.
- e) Không đơn vị, hai trăm linh năm phần nghìn.

Bài 6:

Viết dưới dạng số thập phân:

a) $\frac{5}{10}; \frac{9}{10}; \frac{64}{100}; \frac{8}{100}; \frac{725}{1000}; \frac{81}{1000}$

b) $\frac{52}{10}; \frac{836}{10}; \frac{912}{100}; \frac{2006}{100}$

Bài 7: Một vòi nước chảy vào bể trong ba giờ. Giờ đầu chảy được $\frac{3}{20}$ bể, giờ thứ hai chảy vào được $\frac{7}{15}$ bể. Hỏi:

- a) Giờ thứ ba vòi nước chảy vào được bao nhiêu phần bể?
- b) Trung bình mỗi giờ vòi nước đó chảy vào được bao nhiêu phần của bể?

Câu 8: Một người đi từ A đến B dài 60 km. Giờ thứ nhất người đó đi được $\frac{1}{3}$

quãng đường, giờ thứ hai người đó đi được $\frac{2}{5}$ quãng đường. Hỏi người đó còn đi bao nhiêu km nữa mới hết quãng đường.